

Số: 33/2025/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 257/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Hoàng Thị N**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn P, xã T, , tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Văn M**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Hoàng Thị N và anh **Trần Văn M**.**

(*Giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 26 tháng 5 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân T, tỉnh Tuyên Quang*)

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: Giao cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 04/11/2009; cháu Trần Bá K1, sinh ngày 28/9/2013 và cháu Trần Khánh V, sinh ngày 28/9/2013 cho anh Văn M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Hoàng Thị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trần Văn M với số tiền cấp dưỡng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng/3 cháu cho đến khi các cháu Trần Tuấn K, Trần Bá K1, Trần Khánh V đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2025. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Chị Hoàng Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

“Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày anh Trần Văn M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”.

- **Về tài sản chung:** Chị Hoàng Thị N và anh Trần Văn M đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về vay nợ chung:** Chị Hoàng Thị N và anh Trần Văn M đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Hoàng Thị N phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng số tiền phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 0001745, ngày 16/6/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang cũ.

Anh Trần Văn M không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND khu vực 1 (03 bản);
- THADS tỉnh (để thi hành);
- UBND xã T (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND khu vực 1.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến